

Số: /TTr-BTC

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

TỜ TRÌNH

**Dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của
Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL), thực hiện Chương trình lập pháp năm 2026 của Quốc hội, Bộ Tài chính kính trình Chính phủ dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp (SDĐPNN), Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH LUẬT

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

1.1. Cơ sở chính trị

Hiến pháp năm 2013 và Văn kiện Đại hội XIV của Đảng đều nhất quán khẳng định chủ trương giáo dục và đào tạo cùng với khoa học, công nghệ là quốc sách hàng đầu, là động lực then chốt, là “đột phá chiến lược” để phát triển nhanh và bền vững đất nước.

Thế chế hóa chủ trương của Đảng về giáo dục và đào tạo, nhiều chính sách lớn đã được ban hành, thúc đẩy giáo dục và đào tạo đổi mới, phát triển mạnh mẽ, đạt được những kết quả quan trọng. Các văn kiện, nghị quyết của Đảng và Nhà nước gần đây tiếp tục đề ra nhiều chủ trương, định hướng quan trọng cho việc hoàn thiện hệ thống chính sách thuế đối với lĩnh vực giáo dục và đào tạo, hướng tới xây dựng một hệ thống chính sách thuế đồng bộ, thống nhất, công bằng, hiệu quả, phù hợp với thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; phù hợp với thông lệ quốc tế. Cụ thể như sau:

- Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo có nêu nhiệm vụ, giải pháp: “Đổi mới căn bản cơ chế, chính sách tài chính và đầu tư cho giáo dục, đào tạo”; “Xây dựng cơ chế, chính sách đủ mạnh khuyến khích tổ chức, doanh nghiệp đầu tư phát triển giáo dục, đào tạo”; “Sửa đổi, bổ sung các VBQPPL có liên quan để bổ sung các quy định không thu tiền sử dụng đất, giảm tiền thuê đất, tiền thuế đất đối với các cơ sở giáo dục trong nước. Không áp dụng thuế TNDN đối với cơ sở giáo

dục công lập, cơ sở giáo dục tư thực hoạt động không vì lợi nhuận”.

- Nghị quyết số 281/NQ-CP ngày 15/9/2025 của Chính phủ ban hành chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW của Bộ Chính trị có giao nhiệm vụ cho Bộ Tài chính xây dựng dự án Luật sửa đổi, bổ sung Luật Thuế SDĐPNN và Luật Thuế TNDN trong năm 2026.

- Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới: *“Khẩn trương sửa đổi, bổ sung các văn bản pháp luật đáp ứng yêu cầu thực hiện chủ trương tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, sắp xếp đơn vị hành chính...”*.

- Tại khoản 2 Điều 11 Nghị quyết số 190/2025/QH15 của Quốc hội về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước quy định: *“Cơ quan, người có thẩm quyền phải ban hành VBQPPL theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành VBQPPL theo trình tự, thủ tục rút gọn để xử lý các văn bản chịu sự tác động do sắp xếp tổ chức bộ máy, bảo đảm hoàn thành trước ngày 01/3/2027”*.

- Chiến lược cải cách hệ thống thuế đến năm 2030 (ban hành kèm theo Quyết định số 508/QĐ-TTg ngày 23/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ) có nêu giải pháp: *“Đối với các loại thuế liên quan đến tài sản (bao gồm cả thuế SDĐNN và thuế SDĐPNN): Tổng kết, đánh giá tổng thể tình hình thực hiện chính sách thuế SDĐPNN. Trên cơ sở đó, nghiên cứu hoàn thiện theo hướng tăng mức điều tiết đối với đất và bổ sung thu thuế đối với nhà nhằm khuyến khích sử dụng nhà, đất có hiệu quả, góp phần hạn chế đầu cơ nhà, đất, đảm bảo động viên nguồn thu hợp lý, ổn định cho NSNN, phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội (KT-XH) của Việt Nam và thông lệ quốc tế. Đồng thời, xây dựng chính sách thuế theo hướng đơn giản, dễ hiểu, dễ xác định rõ đối tượng chịu thuế tài sản, số thuế phải nộp, đồng bộ với quy định của pháp luật về đất đai và quy định của pháp luật có liên quan”*.

- Tại Nghị quyết số 123/2026/UBTVQH15 ngày 03/4/2026 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định bổ sung vào Chương trình lập pháp năm 2026 trình Quốc hội cho ý kiến và thông qua tại Kỳ họp thứ 2 (tháng 10/2026) đối với dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế SDĐPNN.

1.2. Cơ sở pháp lý

- Hiến pháp năm 2013 quy định: *“Phát triển giáo dục là quốc sách hàng đầu nhằm nâng cao dân trí, phát triển nguồn nhân lực, bồi dưỡng nhân tài. Nhà nước ưu tiên đầu tư và thu hút các nguồn đầu tư khác cho giáo dục...”* (Điều 61);

- Tại Khoản 4 Điều 8 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định: *“4. Ban hành văn bản quy phạm pháp luật thay thế văn bản quy phạm pháp luật hiện hành thuộc một trong các trường hợp sau đây:*

a) Thay đổi cơ bản chính sách, phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng;

b) Sửa đổi, bổ sung về nội dung quá một phần hai tổng số điều”.

- Tại khoản 2 Điều 11 Nghị quyết số 190/2025/QH15 của Quốc hội về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước quy định: *“Cơ quan, người có thẩm quyền phải ban hành VBQPPL theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành VBQPPL theo trình tự, thủ tục rút gọn để xử lý các văn bản chịu sự tác động do sắp xếp tổ chức bộ máy, bảo đảm hoàn thành trước ngày 01/3/2027”.*

Theo đó, để thể chế hóa đầy đủ chủ trương, định hướng của Đảng, của Nhà nước về hoàn thiện chính sách thuế sử dụng đất, có chính sách đột phá, phát triển lĩnh vực giáo dục - đào tạo nêu tại điểm 2 Phần III Nghị quyết số 71-NQ/TW của Bộ Chính trị nhằm thu hút nguồn lực xã hội, giảm áp lực lên khu vực công lập và mở rộng khả năng cung ứng dịch vụ công chất lượng cao cần thiết nghiên cứu sửa đổi, bổ sung một số quy định của Luật Thuế SDĐPNN, Luật Thuế TNDN.

2. Cơ sở thực tiễn

2.1. Đáp ứng các yêu cầu từ thực tiễn, đảm bảo tính đồng bộ của hệ thống pháp luật

Trong bối cảnh nền kinh tế đang bước vào giai đoạn phát triển mới, nhu cầu về nguồn lực đất đai ngày càng gia tăng, giai đoạn 2020 - 2025, Đảng, Nhà nước đã ban hành nhiều chủ trương lớn nhằm đổi mới tư duy và hoàn thiện thể chế quản lý theo hướng hiện đại, minh bạch, đặc biệt là các Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới, hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý và sử dụng đất, tạo động lực đưa nước ta trở thành nước phát triển có thu nhập cao.

Triển khai Nghị quyết số 18-NQ/TW, Luật Đất đai năm 2024 đã được ban hành, đạo luật có tính chất nền tảng, mở đường cho việc huy động và sử dụng hiệu quả nguồn lực đất đai phục vụ phát triển đất nước nhanh và bền vững. Luật Đất đai 2024 và hệ thống các văn bản hướng dẫn thi hành đã được ban hành đồng bộ, kịp thời có hiệu lực kể từ ngày 01/8/2024. Việc rà soát, sửa đổi các luật có liên quan, đồng bộ hóa hệ thống pháp luật đã góp phần tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, thúc đẩy cải cách hành chính, nâng cao tính minh bạch và trách nhiệm giải trình trong sử dụng đất đai.

Qua hơn 15 năm triển khai thực hiện chính sách thuế SDĐPNN, qua rà soát, đánh giá cho thấy quy định về đối tượng chịu thuế tại Luật Thuế SDĐPNN đã bao quát tương đối đầy đủ các loại đất theo quy định của pháp luật về đất đai tại thời điểm ban hành (Luật Đất đai năm 2003). Tuy nhiên, Luật Đất đai năm 2024 đã có sự thay đổi, hoàn thiện theo thể chế kinh tế thị trường, trong đó có sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện về phân loại đất¹. Do đó, để đảm

¹ Tại Luật Đất đai số 31/2024/QH15 (có hiệu lực thi hành từ 01/8/2024) đã sửa đổi, bổ sung Điều 9 về phân loại đất (chi tiết hóa và sửa đổi, bổ sung về phân loại đất cụ thể trong nhóm đất phi nông nghiệp). Trong đó, nhóm đất phi nông nghiệp đã mở rộng danh mục các loại đất sử dụng vào mục đích công cộng và hạ tầng.

bảo tính thống nhất, tính đồng bộ của hệ thống pháp luật cần thiết phải rà soát, hoàn thiện quy định về các phân loại đất chịu thuế/đất không chịu thuế SDDPNN cho phù hợp.

2.2. Thúc đẩy, khuyến khích, thu hút nguồn lực xã hội đầu tư vào lĩnh vực giáo dục đào tạo, giảm áp lực lên khu vực công lập và mở rộng khả năng cung ứng dịch vụ công chất lượng cao

Luật Giáo dục năm 2019 (được sửa đổi, bổ sung bởi Luật Giáo dục năm 2025) quy định: *Cơ sở giáo dục* là tổ chức thực hiện hoạt động giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân gồm nhà trường và cơ sở giáo dục khác (khoản 12 Điều 5). Thực hiện đa dạng hóa các loại hình cơ sở giáo dục và hình thức giáo dục; khuyến khích, huy động và tạo điều kiện để tổ chức, cá nhân tham gia phát triển sự nghiệp giáo dục; khuyến khích phát triển cơ sở giáo dục dân lập, tự thực đáp ứng nhu cầu xã hội về giáo dục chất lượng cao (khoản 2 Điều 16).

Đẩy mạnh xã hội hóa trong cung ứng dịch vụ công trong đó có lĩnh vực giáo dục đào tạo, trong thời gian qua, Chính phủ đã ban hành nhiều VBQPPL khuyến khích xã hội hóa, được đánh giá là tương đối đầy đủ, phù hợp với thực tiễn. Tại Nghị định số 69/2008/NĐ-CP của Chính phủ về chính sách xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao và môi trường quy định cơ sở thực hiện xã hội hóa gồm: (i) các cơ sở ngoài công lập được hình thành và có đủ điều kiện hoạt động theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; (ii) các tổ chức, cá nhân hoạt động theo Luật Doanh nghiệp có các dự án đầu tư liên kết hoặc thành lập các cơ sở hoạt động trong các lĩnh vực xã hội hóa; (iii) các cơ sở sự nghiệp công lập thực hiện góp vốn, huy động vốn, liên doanh liên kết theo quy định của pháp luật thành lập các cơ sở hạch toán độc lập hoặc doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực xã hội hóa. Để được hưởng chính sách khuyến khích phát triển xã hội hóa, các cơ sở thực hiện xã hội hóa là cơ sở được thành lập, cấp phép hoạt động đảm bảo theo quy hoạch, phải thuộc danh mục các loại hình, tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn do Thủ tướng Chính phủ quy định². Các chính sách ưu đãi được hưởng gồm ưu đãi về đất đai, về thuế, tín dụng.

Theo quy định của pháp luật Việt Nam, việc cơ sở giáo dục được phép hoạt động phụ thuộc vào điều kiện thành lập và cho phép hoạt động giáo dục, không phụ thuộc trực tiếp vào việc có đáp ứng tiêu chí xã hội hóa hay không³. Trong khi đó, Nghị định số 69/2008/NĐ-CP quy định các chính sách ưu đãi đối với các cơ sở hoạt động trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo khi đáp ứng các tiêu chí xã hội hóa như ưu đãi về đất đai, thuế và tín dụng. Vì vậy, việc đáp ứng tiêu chí xã hội hóa chỉ là căn cứ để được hưởng các chính sách ưu đãi của Nhà

² Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10/10/2008 của Thủ tướng Chính phủ về Danh mục chi tiết các loại hình, tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn của các cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường và các Quyết định sửa đổi, bổ sung (Quyết định số 693/QĐ-TTg ngày 06/5/2013; Quyết định số 1470/QĐ-TTg ngày 22/7/2016 của Thủ tướng Chính phủ).

³ Luật Giáo dục năm 2019 quy định Chính phủ quy định chi tiết điều kiện, thẩm quyền thành lập và cho phép hoạt động của các cơ sở giáo dục, và các cơ sở này chỉ được hoạt động khi đáp ứng các điều kiện theo quy định và được cơ quan có thẩm quyền cho phép.

nước, không phải là điều kiện bắt buộc để cơ sở giáo dục - đào tạo được phép hoạt động.

Việc thực hiện các chính sách xã hội hóa trong giáo dục thời gian qua đã đạt được những kết quả tích cực trong huy động nguồn lực xã hội, gia tăng số lượng cơ sở ngoài công lập và giảm áp lực đầu tư công trực tiếp. Tuy nhiên, hiệu quả thực thi chưa đồng đều giữa các vùng miền, khu vực tư nhân vẫn tập trung chủ yếu ở đô thị, trong khi khả năng tiếp cận của nhóm thu nhập thấp còn hạn chế. Trên thực tế, nhiều cơ sở đủ điều kiện hoạt động nhưng chưa đủ điều kiện xã hội hóa để được hưởng các chính sách ưu đãi của Nhà nước. Khó khăn lớn nhất của các cơ sở giáo dục trong việc đạt tiêu chí xã hội hóa là yêu cầu đồng thời về quy mô diện tích đất, tiêu chuẩn cơ sở vật chất, nguồn nhân lực chuyên môn và điều kiện pháp lý để được xác nhận hưởng ưu đãi. Trong bối cảnh giá đất đô thị cao, thủ tục tiếp cận đất sạch còn phức tạp và năng lực tài chính của nhiều cơ sở ngoài công lập còn hạn chế, việc đáp ứng đầy đủ các tiêu chí xã hội hóa theo quy định hiện hành vẫn là một thách thức lớn.

Theo thống kê của Bộ Giáo dục và Đào tạo, năm học 2024-2025, cả nước có khoảng 41.000 cơ sở giáo dục - đào tạo (trong đó có khoảng 3.900 cơ sở ngoài công lập)⁴. Đánh giá xu hướng phát triển cơ sở giáo dục - đào tạo cho thấy số lượng cơ sở giáo dục ngoài công lập phát triển nhanh trong những năm gần đây (đặc biệt tại khu vực TP. Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh và các đô thị lớn). Riêng bậc mầm non có khoảng 15.200 cơ sở giáo dục (trong đó có khoảng 3.100 cơ sở ngoài công lập) cho thấy xu hướng nhu cầu tăng mạnh ở cấp học mầm non. Các cơ sở giáo dục - đào tạo không đáp ứng tiêu chí xã hội hóa hiện nay không thuộc diện được hưởng ưu đãi theo chính sách xã hội hóa hiện hành, khó tiếp cận nguồn lực hỗ trợ cơ sở vật chất, trang thiết bị giảng dạy và hạn chế trong ưu tiên thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư.

Đối với các cơ sở giáo dục - đào tạo được phép hoạt động nhưng chưa đáp ứng tiêu chí của cơ sở thực hiện xã hội hóa hiện đang thực hiện nghĩa vụ về thuế theo quy định pháp luật hiện hành⁵, chiếm khoảng 10-20% chi phí hoạt động hàng năm của các cơ sở này, trong khi các cơ sở ngoài công lập đạt tiêu chí xã hội hóa, chi phí này khoảng 5%.

Để nâng cao hiệu quả chính sách xã hội hóa, phù hợp với xu hướng phát triển, khuyến khích, thu hút nguồn lực xã hội đầu tư vào lĩnh vực giáo dục đào tạo, giảm áp lực lên khu vực công lập và mở rộng khả năng cung ứng dịch vụ công chất lượng cao, cần thiết nghiên cứu, đề xuất sửa đổi, bổ sung cơ chế ưu đãi về thuế đối với các cơ sở giáo dục - đào tạo, không phân biệt cơ sở giáo dục công lập hay tư thực nhằm nâng cao tính bền vững của chính sách xã hội hóa trong dài hạn. Theo đó, chính sách ưu đãi thuế tạo môi trường cạnh tranh công

⁴ Hiện không có dữ liệu thống kê phân loại cơ sở giáo dục - đào tạo theo phân loại đáp ứng/không đáp ứng tiêu chí xã hội hóa.

⁵ Thuế TNDN với thuế suất 20%, thuế GTGT với thuế suất 5-10% (đối với các dịch vụ cung cấp), thuế TNCN với thuế suất 10% (đối với chuyên gia, giảng viên...), thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu (đối với các trang thiết bị dạy học, y tế...) thuế SDĐPN, các loại phí, lệ phí (lệ phí cấp phép thành lập, lệ phí kiểm định chất lượng, lệ phí thành lập...)

bằng, minh bạch, người học được tiếp cận cơ hội giáo dục và hưởng lợi từ các chính sách phát triển giáo dục của Đảng, Nhà nước quy định.

2.3. Nâng cao chất lượng dịch vụ giáo dục nhằm cải thiện chất lượng nguồn nhân lực, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, tạo nền tảng cho tăng trưởng kinh tế dài hạn

Ưu đãi thuế là chính sách hỗ trợ tài chính trực tiếp cho các cơ sở giáo dục - đào tạo giúp giảm gánh nặng chi phí vận hành, giảm giá dịch vụ, nâng cao khả năng duy trì hoạt động, thúc đẩy mở rộng quy mô, bảo đảm công bằng trong tiếp cận các dịch vụ công thiết yếu của người dân. Nhờ sự tham gia phong phú, đa dạng của các loại hình cơ sở giáo dục - đào tạo sẽ góp phần cải thiện, nâng cao chất lượng dịch vụ⁶, mở rộng khả năng tiếp cận đa dạng các hình thức giáo dục, thúc đẩy đổi mới phương pháp giảng dạy, phát triển chương trình phù hợp và nâng cao chuẩn mực đào tạo, từ đó góp phần cải thiện chất lượng nguồn nhân lực quốc gia.

Việc mở rộng ưu đãi thuế đối với lĩnh vực giáo dục không chỉ đáp ứng nhu cầu học tập của người dân mà còn hỗ trợ tăng cường cạnh tranh phát triển dịch vụ giáo dục, góp phần phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, phục vụ đổi mới sáng tạo. Nâng cao chất lượng giáo dục chính là đầu tư vào vốn nhân lực, tạo động lực cốt lõi cho tăng trưởng năng suất lao động, tạo nền tảng cho tăng trưởng kinh tế dài hạn thông qua việc nâng cao vốn nhân lực, gia tăng năng suất lao động và thúc đẩy năng lực đổi mới sáng tạo của nền kinh tế và duy trì tăng trưởng bền vững trong dài hạn.

2.4. Phù hợp với thông lệ quốc tế

Để thu hút, khuyến khích đầu tư phát triển giáo dục - đào tạo, các quốc gia trên thế giới⁷ áp dụng phối hợp nhiều hình thức khác nhau như hỗ trợ tài chính trực tiếp (cung cấp quỹ hỗ trợ phát triển cơ sở vật chất cho các cơ sở giáo dục xã hội hóa, cho vay ưu đãi, hợp tác công tư) hoặc các ưu đãi thuế (ưu đãi thuế thu nhập, thuế bất động sản (BDS)).

⁶ OECD xem kết quả về kỹ năng, năng suất lao động, thu nhập và khả năng tham gia thị trường lao động là những chỉ số cốt lõi phản ánh kết quả KT - XH của giáo dục (education economic and social outcomes). Các chỉ số này cho thấy mức độ mà giáo dục chuyển hóa thành vốn nhân lực, năng lực cạnh tranh và tăng trưởng dài hạn của nền kinh tế. Cải thiện chất lượng giáo dục tạo ra tác động đến năng suất dài hạn mạnh hơn đáng kể so với việc chỉ gia tăng số năm đi học, vì chất lượng học tập quyết định trực tiếp tri thức, kỹ năng và khả năng thích ứng công nghệ của lực lượng lao động, từ đó củng cố năng lực cạnh tranh quốc gia và duy trì tăng trưởng bền vững trong dài hạn

⁷ Ví dụ như: Tại Anh, áp dụng các chính sách ưu đãi thuế, hỗ trợ tài chính trực tiếp cho các trường tư thục và cơ sở đào tạo nghề ngoài công lập: Miễn, giảm thuế BDS cho cơ sở giáo dục phi lợi nhuận, hỗ trợ vốn vay ưu đãi để đầu tư cơ sở vật chất, công nghệ. Tại Đức, áp dụng ưu đãi thuế cho cơ sở phi lợi nhuận và doanh nghiệp đầu tư vào giáo dục, bao gồm miễn thuế đất, thuế thu nhập từ hoạt động giáo dục. Ngoài ra, khuyến khích các tập đoàn tư nhân và hiệp hội phi lợi nhuận đầu tư vào trường mầm non và trường dạy nghề, cung cấp quỹ hỗ trợ phát triển cơ sở vật chất cho các cơ sở giáo dục xã hội hóa. Tại Pháp, cho phép các cơ sở giáo dục ngoài công lập được hưởng ưu đãi thuế (giảm thuế đất và miễn một số lệ phí hành chính), trợ cấp trực tiếp và hỗ trợ đất đai, cung cấp cơ chế hợp tác công - tư (PPP) cho các dự án trường học mới. Tại Hồng Kông, các cơ sở giáo dục phi lợi nhuận có thể được hỗ trợ thông qua cơ chế hoàn trả toàn bộ hoặc một phần các khoản thuế, tiền thuế đất đã nộp hoặc các hỗ trợ tài chính khác.

- Về thuế sử dụng đất: Các quốc gia trên thế giới⁸ đều có ưu đãi thuế cao đối với BĐS phục vụ cho mục đích công cộng dưới 2 hình thức: đưa BĐS vào đối tượng không chịu thuế hoặc miễn, giảm thuế giúp giảm gánh nặng chi phí cố định cho các cơ sở giáo dục, đặc biệt là các tổ chức phi lợi nhuận hoặc xã hội hóa, hỗ trợ cơ sở quy mô nhỏ hoặc ở các khu vực khó khăn và tăng tính bền vững tài chính của hệ thống giáo dục.

Kinh nghiệm các quốc gia cho thấy ưu đãi thuế sử dụng đất (thuế BĐS) đối với các cơ sở giáo dục thường được thiết kế gắn với cơ sở hoạt động phi lợi nhuận và mục đích phục vụ cộng đồng, hơn là ngành nghề cụ thể. Việc khuyến khích đầu tư vào dịch vụ công cũng bao gồm hỗ trợ phát triển cho cơ sở quy mô nhỏ và khu vực khó khăn, ví dụ như tại New Zealand, các cơ sở do tổ chức từ thiện sở hữu được miễn hoặc giảm thuế đất tại địa phương; ở Đức, các cơ sở giáo dục phi lợi nhuận được miễn thuế BĐS nếu đất được sử dụng trực tiếp cho mục đích phục vụ cộng đồng. Các hỗ trợ này có ý nghĩa quan trọng đảm bảo cơ sở giáo dục quy mô nhỏ không bị loại khỏi thị trường vì chi phí đất đai cao, thúc đẩy bình đẳng trong tiếp cận dịch vụ.

- Về thuế TNDN: Kinh nghiệm quốc tế cho thấy nhiều quốc gia áp dụng chính sách miễn hoặc ưu đãi thuế TNDN đối với cơ sở giáo dục công lập và cơ sở giáo dục tư thực hoạt động không vì lợi nhuận nhằm khuyến khích cung ứng dịch vụ giáo dục mang tính công ích⁹. Xu hướng chung của nhiều quốc gia là chỉ đánh thuế đối với hoạt động mang tính thương mại, đồng thời gắn ưu đãi thuế với điều kiện tái đầu tư lợi nhuận cho mục tiêu giáo dục và có cơ chế đảm bảo tính minh bạch tài chính.

Do đó, để thực hiện mục tiêu cải cách hệ thống chính sách thuế, góp phần xây dựng hệ thống thuế đồng bộ, phù hợp với thông lệ quốc tế, khuyến khích thu hút nguồn lực xã hội đầu tư vào lĩnh vực giáo dục - đào tạo, nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo nhân lực đáp ứng yêu cầu cách mạng 4.0 và hội nhập quốc tế, tạo nguồn lực tài chính để phát triển KT-XH, cần thiết sửa đổi, bổ sung Luật Thuế SDĐPN, Luật Thuế TNDN.

⁸ Tại Hoa Kỳ quy định về miễn thuế BĐS đối với các trường học, cao đẳng/đại học (bao gồm các trường công lập và phi lợi nhuận), tổ chức giáo dục phi lợi nhuận, cơ sở nghiên cứu khoa học của chính phủ. Tại khu vực Châu Âu (Pháp, Anh, Tây Ban Nha, Thụy Điển...): Ở Đức, theo Luật Thuế BĐS, các tổ chức phi lợi nhuận và tổ chức công dùng tài sản vì mục đích phục vụ cộng đồng thường được miễn thuế BĐS địa phương; Ở Pháp, hệ thống thuế BĐS cho phép miễn hoặc không áp thuế tài sản định kỳ đối với tài sản được coi là phục vụ “lợi ích công cộng” - bao gồm trường học, bệnh viện, cơ sở xã hội - nếu tài sản đó được sử dụng phù hợp, Tại Hà Lan, cơ sở giáo dục phi lợi nhuận được miễn thuế BĐS và một số loại thuế thu nhập liên quan đến hoạt động giáo dục, khuyến khích đầu tư tư nhân thông qua cơ chế hợp tác công - tư, đặc biệt ở giáo dục mầm non và tiểu học. Tại khu vực Châu Á (Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản...): Trung Quốc miễn hoặc giảm thuế thu nhập đối với phần lợi nhuận tái đầu tư vào hoạt động giáo dục, miễn thuế sử dụng đất hoặc giảm tiền thuê đất đối với các cơ sở giáo dục phi lợi nhuận và tư thực; Hàn Quốc miễn, giảm thuế sử dụng đất đối với đất dành cho hoạt động giáo dục của các cơ sở giáo dục phi lợi nhuận (tư thực, trường mầm non, trường phổ thông ngoài công lập). Tại Indonesia, tài sản được sử dụng cho các hoạt động phi lợi nhuận, chẳng hạn như dịch vụ xã hội, giáo dục hoặc y tế, có thể được giảm 50% thuế tài sản.

⁹ Tại các quốc gia OECD, Mỹ, Đức, Pháp Nhật Bản, Hàn Quốc, các tổ chức giáo dục phi lợi nhuận hoặc tổ chức giáo dục được công nhận là phục vụ lợi ích công cộng được miễn thuế thu nhập đối với thu nhập từ hoạt động đào tạo, nghiên cứu, học thuật,...các hoạt động kinh doanh ngoài mục tiêu giáo dục (cho thuê thương mại, kinh doanh độc lập, đầu tư tài chính, dịch vụ ngoài giáo dục...) thực hiện kê khai và nộp thuế thu nhập theo quy định.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG LUẬT

1. Mục đích ban hành

Thể chế hóa đầy đủ các chủ trương của Đảng và Nhà nước về phát triển giáo dục - đào tạo, khuyến khích tổ chức, cá nhân đầu tư vào lĩnh vực giáo dục đào tạo.

2. Quan điểm xây dựng Luật

Quan điểm chỉ đạo xây dựng luật theo các nguyên tắc sau:

- Việc xây dựng dự án Luật phù hợp với Hiến pháp 2013, nhằm cụ thể hóa kịp thời, đầy đủ các chủ trương của Đảng, Nhà nước đã nêu tại Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo, Nghị quyết số 281/NQ-CP ngày 15/9/2025 của Chính phủ ban hành chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW của Bộ Chính trị, Luật Giáo dục năm 2019 (được sửa đổi, bổ sung bởi Luật Giáo dục năm 2025), Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội quy định về việc xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước.

- Bám sát các mục tiêu, định hướng được xác định trong Chiến lược cải cách hệ thống thuế đến năm 2030 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo Quyết định số 508/QĐ-TTg ngày 23/4/2022.

- Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung những quy định nhằm đáp ứng với yêu cầu quản lý KT-XH và quản lý thuế.

- Đảm bảo tiếp thu những kinh nghiệm quốc tế có giá trị phù hợp với thực tiễn Việt Nam, góp phần hội nhập kinh tế quốc tế, phù hợp với xu hướng phát triển.

- Đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG LUẬT

Thực hiện Luật Ban hành VBQPPL, Bộ Tài chính đã phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương xây dựng hồ sơ dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế SDĐPNN, Luật Thuế TNDN.

Ngày 18/5/2026, Bộ Tài chính đã có Quyết định số 1178/QĐ-BTC về việc thành lập Tổ soạn thảo xây dựng dự án Luật. Ngày 26/5/2026, Bộ Tài chính đã tổ chức họp Tổ soạn thảo, theo đó, đã thống nhất các nội dung về phạm vi điều chỉnh, các nội dung sửa đổi, bổ sung tại dự thảo Luật và tên gọi của Luật.

Ngày .../.../2026, Bộ Tài chính đã có công văn số ... /BTC-CST gửi lấy ý kiến các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, trong đó có 06 Bộ phải lấy ý kiến theo quy định của Luật Ban hành VBQPPL, bao gồm: Bộ Ngoại giao, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Nội vụ, Bộ Tư pháp và Bộ Khoa học và Công nghệ.

Đồng thời, đã đăng tải toàn bộ Hồ sơ dự án Luật trên Cổng thông tin điện

tử của Chính phủ và của Bộ Tài chính để lấy ý kiến rộng rãi trong nhân dân, doanh nghiệp và các tổ chức liên quan.

Bộ Tài chính đã nhận được các văn bản tham gia ý kiến. Ý kiến tham gia của các cơ quan, đơn vị đã được Bộ Tài chính nghiên cứu, tiếp thu, giải trình và hoàn thiện hồ sơ dự án Luật.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO LUẬT

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1.1. Phạm vi điều chỉnh

Phạm vi điều chỉnh: Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều, khoản, điểm của Luật Thuế SDĐPNN về: đối tượng chịu thuế (Điều 2); đối tượng không chịu thuế (Điều 3); đăng ký, khai, tính và nộp thuế (Điều 8); miễn thuế (Điều 9) và 01 Điều của Luật Thuế TNDN về các trường hợp miễn thuế, giảm thuế khác (Điều 15).

1.2. Đối tượng áp dụng

Đối tượng áp dụng của Luật này bao gồm:

- Người nộp thuế theo quy định tại Luật Thuế SDĐPNN, Luật Thuế TNDN.
- Cơ quan quản lý thuế theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.
- Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

2. Bố cục của dự thảo Luật

Dự thảo Luật được bố cục thành 03 Điều như sau:

- Điều 1. Quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế SDĐPNN số 48/2010/QH12.
- Điều 2. Quy định sửa đổi, bổ sung khoản 5, khoản 6 Điều 15 của Luật Thuế TNDN số 67/2025/QH15.
- Điều 3. Quy định điều khoản thi hành.

3. Nội dung cơ bản

Để đảm bảo mục đích, quan điểm nêu trên, dự thảo Luật dự kiến sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện một số quy định như sau:

3.1. Nội dung sửa đổi, hoàn thiện

Dự thảo Luật quy định sửa đổi, hoàn thiện 03 nội dung:

(1) Sửa đổi, hoàn thiện quy định về đối tượng chịu thuế để phù hợp với phân loại đất theo quy định pháp luật đất đai hiện hành

Luật Thuế SDĐPNN hiện hành quy định đối tượng chịu thuế SDĐPNN bao gồm (i) Đất ở tại nông thôn, đất ở tại đô thị; (ii) Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp bao gồm: đất xây dựng khu công nghiệp; đất làm mặt bằng xây dựng cơ sở sản xuất, kinh doanh; đất khai thác, chế biến khoáng sản; đất

sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm; (iii) Đất phi nông nghiệp thuộc đối tượng không chịu thuế nhưng sử dụng vào mục đích kinh doanh (Điều 2).

Qua rà soát, đánh giá cho thấy quy định về đối tượng chịu thuế tại Luật Thuế SDĐPNN đã bao quát tương đối đầy đủ các loại đất theo quy định của pháp luật về đất đai tại thời điểm ban hành (Luật Đất đai năm 2003). Tuy nhiên, pháp luật về Luật Đất đai năm 2024 đã có sự thay đổi, hoàn thiện theo thể chế kinh tế thị trường, trong đó có sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện về phân loại đất. Qua rà soát thì cách phân loại đối tượng chịu thuế SDĐPNN còn chưa thống nhất với cách phân loại đất phi nông nghiệp theo quy định của Luật Đất đai năm 2024, cụ thể:

Tại Luật Đất đai năm 2024 quy định nhóm đất phi nông nghiệp theo mục đích sử dụng: (i) Đất ở, gồm đất ở tại nông thôn, đất ở tại đô thị; (ii) Đất xây dựng trụ sở cơ quan; (iii) Đất sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh; (iv) Đất xây dựng công trình sự nghiệp; (v) Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp; (vi) Đất sử dụng vào mục đích công cộng; (vii) Đất sử dụng cho hoạt động tôn giáo, tín ngưỡng; (viii) Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng, đất cơ sở lưu trữ tro cốt; (ix) Đất có mặt nước chuyên dùng; (x) Đất phi nông nghiệp khác. Theo đó, Luật Đất đai năm 2024 đã có sửa đổi về phân loại đất so với Luật Đất đai năm 2003 đối với đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp như sau:

- Bổ sung “đất cụm công nghiệp”, “đất thương mại, dịch vụ”.
- Thay thế cụm từ “đất làm mặt bằng xây dựng cơ sở sản xuất, kinh doanh” thành “đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp”; thay thế cụm từ “đất khai thác, chế biến khoáng sản” thành “đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản”.
- Bỏ “đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm”.

Do đó, đề xuất sửa đổi quy định về đối tượng chịu thuế SDĐPNN là đất phi nông nghiệp theo cách phân loại đất của pháp luật đất đai hiện hành, cụ thể như sau:

- Đất ở tại nông thôn, đất ở tại đô thị.
- Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp bao gồm: đất khu công nghiệp, cụm công nghiệp; đất thương mại, dịch vụ; đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp; đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản.
- Đất phi nông nghiệp thuộc đối tượng không chịu thuế sử dụng vào mục đích kinh doanh.

(2) Sửa đổi, hoàn thiện quy định về đối tượng không chịu thuế để phù hợp với phân loại đất theo quy định pháp luật đất đai hiện hành

Luật Thuế SDĐPNN hiện hành quy định đối tượng không chịu thuế SDĐPNN là đất phi nông nghiệp sử dụng không vào mục đích kinh doanh bao gồm: (i) Đất sử dụng vào mục đích công cộng bao gồm: đất giao thông, thủy lợi; đất xây dựng công trình văn hóa, y tế, giáo dục và đào tạo, thể dục thể thao phục vụ lợi ích công cộng; đất có di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng

cảnh; đất xây dựng công trình công cộng khác theo quy định của Chính phủ; (ii) Đất do cơ sở tôn giáo sử dụng; (iii) Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa; (iv) Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối và mặt nước chuyên dùng; (v) Đất có công trình là đình, đền, miếu, am, từ đường, nhà thờ họ; (vi) Đất xây dựng trụ sở cơ quan, xây dựng công trình sự nghiệp, đất sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh; (vii) Đất phi nông nghiệp khác theo quy định của pháp luật (Điều 3).

Qua rà soát, đánh giá cho thấy quy định về đối tượng không chịu thuế tại Luật Thuế SDĐPNN đã bao quát tương đối đầy đủ các loại đất theo quy định của pháp luật về đất đai tại thời điểm ban hành. Tuy nhiên, qua rà soát thì Luật đất đai năm 2024 sửa đổi, bổ sung về phân loại đất đối với nhóm đất phi nông nghiệp thuộc đối tượng không chịu thuế SDĐPNN như sau:

- Thay thế cụm từ “đất giao thông” thành “đất công trình giao thông”; “đất thủy lợi” thành “đất công trình thủy lợi”; “đất do các tổ chức tôn giáo sử dụng” thành “đất sử dụng cho hoạt động tôn giáo”; “đất có công trình là đình, đền, miếu, am, từ đường, nhà thờ họ” thành “đất sử dụng cho hoạt động tín ngưỡng”; “đất làm nghĩa trang, nghĩa địa” thành “đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu trữ tro cốt”.

- Bỏ “đất xây dựng các công trình văn hóa, y tế, giáo dục và đào tạo, thể dục thể thao phục vụ lợi ích công cộng”, “đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối”.

- Bổ sung “đất công trình cấp nước, thoát nước”; “đất công trình phòng, chống thiên tai”, “đất có di sản thiên nhiên”; “đất công trình xử lý chất thải; đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng; đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin; đất chợ dân sinh, chợ đầu mối; đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng”; “Đất xây dựng công trình sự nghiệp bao gồm: đất xây dựng cơ sở văn hóa, xã hội, y tế, giáo dục và đào tạo, thể dục, thể thao, khoa học và công nghệ, môi trường, khí tượng thủy văn, ngoại giao và công trình sự nghiệp khác hoặc đất xây dựng trụ sở của đơn vị sự nghiệp công lập khác”.

Theo đó, kế thừa quy định về đối tượng không chịu thuế đối với đất phi nông nghiệp và rà soát đảm bảo phù hợp với pháp luật đất đai, đề xuất đối tượng không chịu thuế đối với đất như sau:

Đất phi nông nghiệp không sử dụng vào mục đích kinh doanh, bao gồm:

- Đất sử dụng vào mục đích công cộng gồm: đất công trình giao thông; đất công trình thủy lợi; đất công trình cấp nước, thoát nước; đất có công trình phòng, chống thiên tai; đất có di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; di sản thiên nhiên; đất công trình xử lý chất thải; đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng; đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin; đất chợ dân sinh, chợ đầu mối; đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng.

- Đất sử dụng cho hoạt động tôn giáo, đất sử dụng cho hoạt động tín ngưỡng.

- Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu trữ tro cốt.
- Đất có mặt nước chuyên dùng.
- Đất xây dựng trụ sở cơ quan, đất sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh.
- Đất xây dựng công trình sự nghiệp bao gồm: đất xây dựng cơ sở văn hóa, xã hội, y tế, giáo dục và đào tạo, thể dục, thể thao, khoa học và công nghệ, môi trường, khí tượng thủy văn, ngoại giao và công trình sự nghiệp khác hoặc đất xây dựng trụ sở của đơn vị sự nghiệp công lập khác.
- Đất phi nông nghiệp khác theo quy định pháp luật đất đai.

(3) Sửa đổi, hoàn thiện quy định tại Điều 8 Luật Thuế SDĐPNN về đăng ký, khai, tính và nộp thuế

Tại khoản 2 Điều 11 Nghị quyết số 190/2025/QH15 quy định: *2. Cơ quan, người có thẩm quyền phải ban hành VBQPPL theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành VBQPPL theo trình tự, thủ tục rút gọn để xử lý các văn bản chịu sự tác động do sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước, bảo đảm hoàn thành trước ngày 01/3/2027.*

Tại Điều 8 Luật Thuế SDĐPNN quy định: “Người nộp thuế đăng ký, khai, tính và nộp thuế tại cơ quan thuế *huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh* nơi có quyền sử dụng đất” (khoản 2 Điều 8); “Người nộp thuế đăng ký, khai, tính và nộp thuế tại cơ quan thuế *huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh* nơi có quyền sử dụng đất” (điểm a khoản 3 Điều 8); “Người nộp thuế được lựa chọn hạn mức đất ở tại một *huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh* nơi có quyền sử dụng đất....Giá tính thuế được áp dụng theo giá đất của từng *huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh* tại nơi có thửa đất” (điểm a khoản 3 Điều 8). Trong khi, thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp, hiện nay không còn cấp hành chính huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh. Cơ quan quản lý thuế đã thay đổi từ “Chi cục thuế” thành “Thuế cơ sở thuộc thuế tỉnh”.

Do vậy, cần phải sửa đổi các quy định về nơi đăng ký, khai, nộp thuế; xác định hạn mức đất ở và giá đất để đơn giản hóa thủ tục trong việc kê khai, nộp thuế SDĐPNN¹⁰ và đồng bộ với Luật Quản lý thuế năm 2025, phù hợp với tên gọi theo tổ chức bộ máy mới sau sắp xếp và đảm bảo thời hạn quy định tại khoản 2 Điều 11 Nghị quyết số 190/2025/QH15, cụ thể như sau:

- Bỏ các nội dung quy định chi tiết về quản lý thuế quy định tại khoản 2 Điều 8 Luật Thuế SDĐPNN và thực hiện theo quy định pháp luật về quản lý

¹⁰ Tại dự thảo Nghị định hướng dẫn Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15 (dự kiến có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2026), Bộ Tài chính dự kiến sửa đổi, bổ sung các quy định: (i) Bổ sung quy định người nộp thuế không phải nộp hồ sơ khai thuế SDĐPNN trong trường hợp cơ quan thuế đã kết nối, chia sẻ, sử dụng được thông tin có trong cơ sở dữ liệu quốc gia; (ii) Đơn giản hóa tờ khai thuế SDĐPNN của hộ gia đình, cá nhân, cụ thể lược bỏ phần xác nhận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (UBND cấp xã, Văn phòng đăng ký đất đai) tại tờ khai thuế SDĐPNN đối với hộ gia đình, cá nhân. Ngoài ra, Bộ Tài chính (Cục Thuế) đã phối hợp với các cơ quan để triển khai xây dựng kế hoạch và phương án để kết nối, liên thông, chia sẻ thông tin với cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai, triển khai điện tử hóa thủ tục Đăng ký biến động tài sản của cơ quan nông nghiệp và môi trường trên Cổng dịch vụ công quốc gia.

thuế, đồng thời bổ sung quy định cơ quan thuế căn cứ hệ thống thông tin quản lý thuế để hỗ trợ người nộp thuế trong việc kê khai và tính số thuế phải nộp, đơn giản hóa thủ tục kê khai, nộp thuế đối với trường hợp người nộp thuế có nhiều thửa đất ở trong phạm vi một tỉnh.

- Thay đổi các cụm từ “*huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh*” thành “*xã, phường, đặc khu*”.

3.2. Nội dung bổ sung

Dự thảo Luật quy định bổ sung 02 nội dung:

(1) Bổ sung quy định trường hợp miễn thuế SDĐPNN của cơ sở giáo dục

Tại Điều 9 Luật Thuế SDĐPNN quy định miễn thuế đối với đất của cơ sở thực hiện xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo. Đánh giá tác động chính sách miễn thuế SDĐPNN trong những năm vừa qua cho thấy: (i) miễn thuế đối với đất của cơ sở thực hiện xã hội hóa là công cụ chính sách có tác động tích cực trong việc giảm chi phí đầu vào, khuyến khích đầu tư xã hội, nâng cao chất lượng dịch vụ và sử dụng hiệu quả nguồn lực đất đai cho các mục tiêu phát triển con người; (ii) góp phần thực hiện chính sách của Đảng và Nhà nước về xã hội hóa giáo dục - đào tạo; (iii) phù hợp và thống nhất với pháp luật về đầu tư, góp phần thực hiện chính sách an sinh xã hội.

Đánh giá xu hướng phát triển xã hội hóa lĩnh vực giáo dục - đào tạo trong những năm tới cho thấy, dưới tác động của quá trình đô thị hóa, số lượng cơ sở giáo dục ngoài công lập phát triển nhanh chóng, đặc biệt là bậc học mầm non¹¹. Số lượng cơ sở ngoài công lập ở bậc mầm non đã vượt khu vực công lập, cho thấy nhu cầu xã hội và vai trò ngày càng lớn của khu vực tư nhân trong cung ứng dịch vụ giáo dục. Đánh giá kết quả thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục cho thấy, số lượng cơ sở giáo dục ngoài công lập đạt 9,6% và hơn 2,3 triệu học sinh, sinh viên học tại các cơ sở giáo dục ngoài công lập đạt 9,29%, chưa đạt so với mục tiêu đề ra¹². Các cơ sở giáo dục - đào tạo ngoài công lập không đáp ứng tiêu chí xã hội hóa hiện nay không thuộc diện được hưởng ưu đãi theo chính sách xã hội hóa hiện hành, khó tiếp cận nguồn lực hỗ trợ cơ sở vật chất, trang thiết bị giảng dạy và hạn chế trong ưu tiên thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư. Sự gia tăng nhanh chóng số lượng cơ sở ngoài công lập đòi hỏi các chính sách xã hội hóa, trong đó có ưu đãi về đất đai và thuế nhằm tạo động lực thu hút nguồn lực xã hội tham gia phát triển giáo dục; bảo đảm tiếp cận công bằng trong đầu tư giáo dục, đảm bảo người học được tiếp cận cơ hội giáo dục và hưởng lợi từ chính sách phát triển giáo dục của Đảng và Nhà nước.

¹¹ Theo số liệu thống kê, năm học 2024-2025, cả nước có khoảng 3.935 cơ sở giáo dục ngoài công lập, trong đó có 3.083 trường mầm non ngoài công lập, 487 cơ sở giáo dục phổ thông ngoài công lập và 67 cơ sở giáo dục đại học ngoài công lập.

¹² Tại Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 04/6/2019 của Chính phủ về tăng cường huy động các nguồn lực của xã hội đầu tư cho phát triển giáo dục và đào tạo giai đoạn 2019 - 2025 có nêu mục tiêu: “*Đẩy mạnh huy động các nguồn lực của xã hội, thúc đẩy sự phát triển của các cơ sở giáo dục ngoài công lập đạt tỷ lệ 8,75% số cơ sở và 8,9% người học vào năm 2020 và lần lượt là 13,5% và 16% vào năm 2025*”.

Thực hiện nhiệm vụ tại điểm 2 Phần III Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 281/NQ-CP ngày 15/9/2025 của Chính phủ¹³, Nghị định số 105/2020/NĐ-CP của Chính phủ¹⁴, các Nghị quyết của Bộ Chính trị và Quốc hội về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số quốc gia và phát triển kinh tế tư nhân, để tạo cơ chế, chính sách đặc thù, vượt trội cho phát triển giáo dục - đào tạo, phù hợp với xu hướng phát triển, khuyến khích, thu hút nguồn lực xã hội đầu tư vào lĩnh vực giáo dục - đào tạo, giảm áp lực lên khu vực công lập và mở rộng khả năng cung ứng dịch vụ công chất lượng cao, đề xuất sửa đổi, bổ sung cơ chế ưu đãi về thuế đối với các cơ sở giáo dục - đào tạo chưa đáp ứng đầy đủ các tiêu chí xã hội hóa theo hướng: Miễn thuế SDĐPNN đối với đất sử dụng vào mục đích giáo dục và đào tạo của cơ sở giáo dục không thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 9 của Luật Thuế SDĐPNN.

(2) Bổ sung nội dung sửa đổi về thuế TNDN đối với cơ sở giáo dục hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận

Tại khoản 5 Điều 15 Luật Thuế TNDN số 67/2025/QH15 có quy định: “5. Tổ chức khoa học và công nghệ công lập, cơ sở giáo dục đại học công lập hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận được miễn thuế theo quy định của Chính phủ”. Bên cạnh đó, cơ sở giáo dục công lập còn được miễn thuế theo quy định tại khoản 14 Điều 4 Luật Thuế TNDN số 67/2025/QH15.

Đối với cơ sở giáo dục tư thục nếu đáp ứng tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn do Thủ tướng Chính phủ quy định thì được hưởng ưu đãi thuế TNDN theo diện xã hội hóa (thuế suất 10% trong suốt thời gian thực hiện, đồng thời được miễn thuế tối đa 04 năm, giảm 50% số thuế phải nộp tối đa trong 9 năm tiếp theo đối với cơ sở xã hội hóa thực hiện tại địa bàn có điều kiện KT-XH khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn; đối với cơ sở xã hội hóa thực hiện tại địa bàn còn lại được miễn thuế tối đa 04 năm, giảm 50% số thuế phải nộp tối đa trong 5 năm tiếp theo). Trường hợp cơ sở giáo dục tư thục nếu có phần thu nhập để lại không chia để đầu tư phát triển cơ sở đó đạt tỷ lệ từ 25% trở lên thì sẽ được miễn thuế TNDN tương ứng đối với phần thu nhập để lại (khoản 12 Điều 4 Luật Thuế TNDN số 67/2025/QH15).

Theo đó, để thể chế hóa chủ trương tại Nghị quyết số 71-NQ/TW, Bộ Tài chính trình Chính phủ cho bổ sung nội dung sửa đổi về thuế TNDN tại Điều 2 dự thảo Luật theo hướng sửa đổi quy định tại khoản 5 Điều 15 và bổ sung khoản 6 Điều 15 Luật Thuế TNDN số 67/2025/QH15 để quy định miễn thuế cho các cơ sở giáo dục công lập, cơ sở giáo dục hoạt động không vì lợi nhuận. Nội dung quy định bao gồm: đối tượng được miễn thuế (*cơ sở giáo dục công lập, cơ sở giáo dục tư thục hoạt động không vì lợi nhuận*), phạm vi thu nhập

¹³ Sửa đổi, bổ sung các VBQPPL có liên quan để bổ sung các quy định không thu tiền sử dụng đất, giảm tiền thuê đất, tiền thuê đất đối với các cơ sở giáo dục trong nước.

¹⁴ Nhà đầu tư thực hiện hoạt động đầu tư trong lĩnh vực giáo dục mầm non được hưởng các chính sách ưu đãi về đất đai, thuế, tín dụng và các chính sách khuyến khích xã hội hóa theo quy định của pháp luật (Khoản 1 Điều 6).

được miễn thuế, nguyên tắc quản lý, sử dụng khoản thu nhập được miễn thuế và cơ chế kiểm soát việc duy trì điều kiện không vì mục tiêu lợi nhuận nhằm tránh phát sinh vướng mắc trong quá trình áp dụng. Cụ thể như sau:

- Về đối tượng được miễn thuế TNDN:

Theo quy định tại Nghị quyết số 71-NQ/TW thì đối tượng được miễn thuế TNDN là *“cơ sở giáo dục công lập, cơ sở giáo dục tư thực hoạt động không vì lợi nhuận”*.

Qua rà soát các văn bản quy phạm pháp luật cho thấy:

- Tại khoản 1 Điều 5 Luật Viên chức năm 2025 (có hiệu thi hành kể từ ngày 01/7/2026) quy định: *“1. Đơn vị sự nghiệp công lập là tổ chức do cơ quan có thẩm quyền thành lập theo quy định của pháp luật, có tư cách pháp nhân, hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận, cung cấp dịch vụ công phục vụ xã hội, hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước”*.

Theo quy định của Luật Viên chức năm 2025 nêu trên thì bản thân đơn vị sự nghiệp công lập (bao gồm cả cơ sở giáo dục công lập hay tổ chức khoa học và công nghệ công lập) đã là tổ chức hoạt động không vì lợi nhuận.

- Các Luật về giáo dục (Luật Giáo dục năm 2019, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật Giáo dục năm 2025); Luật Giáo dục đại học năm 2025, Luật Giáo dục nghề nghiệp năm 2025) và các văn bản hướng dẫn đã có quy định về cơ sở giáo dục tư thực hoạt động không vì lợi nhuận, trong đó xác định rõ: nguyên tắc hoạt động không vì lợi nhuận, không rút vốn, không hưởng lợi tức, chênh lệch thu chi tích lũy hàng năm là tài sản không phân chia của nhà trường, được sử dụng đầu tư phát triển cơ sở giáo dục theo nguyên tắc không hoàn lại.

Do đó, để thể chế hóa chủ trương tại Nghị quyết số 71-NQ/TW nêu trên, phù hợp với quy định của các Luật về giáo dục, về khoa học, công nghệ, về viên chức và pháp luật có liên quan, tránh vướng mắc trong thực hiện, Bộ Tài chính trình Chính phủ bổ sung khoản 6 mới vào Điều 15 Luật Thuế TNDN số 67/2025/QH15 để quy định đối tượng được miễn thuế là *“cơ sở giáo dục công lập; cơ sở giáo dục tư thực hoạt động không vì lợi nhuận thành lập theo quy định của pháp luật”*. Việc xác định cơ sở giáo dục công lập; cơ sở giáo dục tư thực hoạt động không vì lợi nhuận thực hiện theo quy định của pháp luật về giáo dục.

Đồng thời, sửa đổi tại khoản 5 Điều 15 Luật Thuế TNDN hiện hành để đảm bảo tính đồng bộ với việc bổ sung khoản 6 nêu trên, phù hợp với Luật Viên chức và khắc phục được các vướng mắc từ việc thực hiện chính sách miễn thuế đối với *“tổ chức khoa học và công nghệ công lập và cơ sở giáo dục đại học công lập hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận”* trong thời gian qua theo phản ánh của Kiểm toán Nhà nước cũng như cơ quan thuế. Cụ thể, sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 15 Luật thuế TNDN số 67/2025/QH15 như sau:

“5. Tổ chức khoa học và công nghệ công lập, ~~cơ sở giáo dục đại học công lập hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận~~ được miễn thuế theo quy định

của Chính phủ”. Theo đó, “*Tổ chức khoa học và công nghệ công lập*” được miễn thuế không cần gắn với tiêu chí “*hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận*” vì bản thân đơn vị sự nghiệp công lập đã là tổ chức hoạt động không vì lợi nhuận theo quy định của Luật Viên chức năm 2025.

- Về xác định khoản thu nhập được miễn thuế TNDN:

Qua nghiên cứu quy định tại Luật Giáo dục năm 2019 (Điều 95); Luật Giáo dục đại học năm 2025 (khoản 1 Điều 39), Luật Giáo dục nghề nghiệp năm 2025 (khoản 1 Điều 37)¹⁵ và các văn bản hướng dẫn, trong đó có Nghị định số 238/2025/NĐ-CP (khoản 4 Điều 3)¹⁶, Bộ Tài chính thấy rằng: theo các luật này thì nguồn thu tài chính phục vụ cho hoạt động giáo dục ngoài các nguồn thu nhập liên quan đến hoạt động giáo dục, đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ thì còn bao gồm nguồn thu từ sản xuất, kinh doanh, từ nguồn thu hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Trong các khoản thu nêu trên:

¹⁵ Điều 95 Luật Giáo dục năm 2019 quy định:

“Điều 95. Nguồn tài chính đầu tư cho giáo dục

Nguồn tài chính đầu tư cho giáo dục bao gồm: 1. Ngân sách nhà nước; 2. Nguồn vốn đầu tư hợp pháp của tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài; 3. Nguồn thu từ dịch vụ giáo dục, đào tạo, khoa học và công nghệ; dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục; nguồn thu từ hoạt động sản xuất, kinh doanh; lãi tiền gửi ngân hàng và nguồn thu hợp pháp khác theo quy định của pháp luật; 4. Kinh phí đặt hàng, giao nhiệm vụ của Nhà nước; 5. Nguồn vốn vay; 6. Nguồn tài trợ, viện trợ, tặng cho của các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài”.

Khoản 1 Điều 39 Luật Giáo dục đại học năm 2025 quy định:

“Điều 39. Tài chính của cơ sở giáo dục đại học công lập

1. Nguồn tài chính của cơ sở giáo dục đại học công lập bao gồm: a) Ngân sách nhà nước; b) Kinh phí tài trợ, viện trợ, cho, tặng hợp pháp của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; c) Thu từ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, dịch vụ hỗ trợ giáo dục, sản xuất, kinh doanh; d) Nguồn vốn vay hợp pháp ở trong và ngoài nước; đ) Nguồn thu khác theo quy định của pháp luật”.

Khoản 1 Điều 37 Luật Giáo dục nghề nghiệp năm 2025 quy định:

“Điều 37. Tài chính của cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập

1. Nguồn tài chính của cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập bao gồm:

a) Ngân sách nhà nước; b) Kinh phí tài trợ, viện trợ, tặng cho hợp pháp của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; c) Thu từ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ; thu từ dịch vụ hỗ trợ giáo dục, sản xuất, kinh doanh; thu từ việc cho thuê tài sản theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công; lãi tiền gửi ngân hàng và các khoản thu hợp pháp khác; d) Nguồn vốn vay hợp pháp ở trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật; đ) Các nguồn thu khác theo quy định của pháp luật”.

¹⁶ Khoản 4 Điều 3 Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo quy định:

“Điều 3. Giải thích từ ngữ

...

4. Dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục là dịch vụ được tổ chức để tạo điều kiện thuận lợi, nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục đáp ứng nhu cầu phát triển toàn diện của người học và hoạt động của cơ sở giáo dục nhưng không được ngân sách nhà nước đảm bảo hoặc chưa được cấu thành trong học phí. Dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục bao gồm các dịch vụ như: dịch vụ ăn uống, bán trú; dịch vụ đưa đón người học; dịch vụ y tế học đường; dịch vụ tư vấn tâm lý, hướng nghiệp, trải nghiệm hướng nghiệp; dịch vụ thư viện; dịch vụ công nghệ, học tập số; hoạt động ngoại khóa, kỹ năng sống; dịch vụ trông giữ, chăm sóc trẻ em, học sinh ngoài giờ; dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục khác”.

(i) Nguồn vốn vay không phải là thu nhập của cơ sở giáo dục nên không thuộc thu nhập chịu thuế TNDN.

(ii) Các nguồn ngân sách nhà nước, khoản tài trợ, viện trợ nhận được phục vụ cho giáo dục đã được miễn thuế TNDN theo quy định tại khoản 8 Điều 4 Luật Thuế TNDN số 67/2025/QH15.

(iii) Các khoản thu liên quan đến hoạt động giáo dục, đào tạo đề xuất được miễn thuế TNDN tại dự thảo Luật bao gồm: Thu từ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ; thu từ dịch vụ hỗ trợ giáo dục; kinh phí đặt hàng, giao nhiệm vụ của Nhà nước; lãi tiền gửi ngân hàng.

(iv) Các khoản thu từ hoạt động sản xuất, kinh doanh khác thực hiện nộp thuế TNDN theo quy định.

Để đảm bảo nguyên tắc xây dựng “luật khung, luật ống”, tại dự thảo Luật chỉ quy định tên các khoản thu nhập được miễn thuế tương đồng với quy định của các Luật về giáo dục mà không chi tiết đến văn bản hướng dẫn Luật (Nghị định số 238/2025/NĐ-CP của Chính phủ); đồng thời, để đảm bảo việc miễn thuế được áp dụng trúng và đúng cho các nguồn thu nhập phục vụ cho hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục, tại dự thảo Luật quy định thu nhập của cơ sở giáo dục công lập, cơ sở giáo dục tư thực hoạt động không vì lợi nhuận được miễn thuế TNDN đối với thu nhập liên quan đến hoạt động giáo dục, đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ của cơ sở giáo dục, bao gồm: *thu nhập từ hoạt động giáo dục, đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục; lãi tiền gửi ngân hàng; kinh phí đặt hàng, giao nhiệm vụ của Nhà nước.*

Theo đó, trường hợp cơ sở giáo dục phát sinh các khoản thu nhập ngoài các khoản thu nhập quy định nêu trên thì thực hiện nộp thuế theo quy định của pháp luật thuế TNDN hiện hành.

Ngoài ra, để đảm bảo Chính phủ có thể linh hoạt quy định các khoản thu nhập được miễn thuế có thể thay đổi nhằm phù hợp với thực tiễn hoạt động của cơ sở giáo dục trước các biến động về kinh tế - xã hội, tại dự thảo Luật quy định “*Trường hợp phát sinh các khoản thu nhập khác với quy định tại khoản này cần được miễn thuế thì giao Chính phủ quy định*”.

- Về nguyên tắc quản lý, sử dụng và cơ chế kiểm soát:

Để đảm bảo việc kiểm soát, tránh trường hợp lợi dụng quy định của pháp luật về hưởng ưu đãi thuế, tránh vướng mắc trong quá trình thực hiện, căn cứ quy định của pháp luật về quản lý thuế, tại dự thảo Luật quy định:

+ Trường hợp cơ sở giáo dục công lập, cơ sở giáo dục tư thực hoạt động không vì lợi nhuận sử dụng phần thu nhập được miễn thuế không đúng mục đích thì phải thực hiện kê khai và nộp thuế và tiền chậm nộp, tiền phạt (nếu có) đối với phần sử dụng không đúng quy định theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

+ Trường hợp cơ sở giáo dục tự thực hoạt động không vì lợi nhuận thực hiện rút vốn hoặc chia lợi tức thì phải thực hiện kê khai và nộp lại toàn bộ tiền thuế đã được miễn và tiền chậm nộp, tiền phạt (nếu có) thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

3.3. Nội dung lược bỏ: Không.

3.4. Nội dung phân cấp, phân quyền: Không.

3.5. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính; việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Dự thảo Luật không làm phát sinh thủ tục hành chính, không có nội dung liên quan đến ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

3.6. Về tính tương thích với điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên

Qua rà soát về các Điều ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam là thành viên, các nội dung được đề xuất tại dự án Luật đều đảm bảo phù hợp với các cam kết quốc tế của Việt Nam và không trái với các cam kết tại các Điều ước quốc tế mà Việt Nam đã tham gia và là thành viên.

3.7. Về bảo đảm yêu cầu về quốc phòng, an ninh

Dự thảo Luật đảm bảo yêu cầu về quốc phòng, an ninh theo quy định.

3.8. Về việc bảo đảm bình đẳng giới

Dự thảo Luật đảm bảo yêu cầu về bình đẳng giới theo quy định.

3.9. Về việc thực hiện chính sách dân tộc

Dự thảo Luật không có nội dung đề cập trực tiếp đến việc thực hiện chính sách dân tộc.

3.10. Các vấn đề còn ý kiến khác nhau cần xin ý kiến: Không.

V. NHỮNG NỘI DUNG BỔ SUNG MỚI SO VỚI DỰ THẢO LUẬT GỬI BỘ TƯ PHÁP THẨM ĐỊNH

VI. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH LUẬT VÀ THỜI GIAN TRÌNH THÔNG QUA LUẬT

1. Dự kiến nguồn lực để thi hành Luật như sau

- Về nguồn nhân lực: Các quy định điều chỉnh, bổ sung nhằm nâng cao hiệu quả, phù hợp với thực tế, việc triển khai thi hành Luật sau khi được thông qua sẽ tiếp tục sử dụng nguồn lực về bộ máy tổ chức tại các cơ quan thuế hiện hành. Do đó, việc thi hành Luật sau khi được ban hành về cơ bản không làm phát sinh tăng nhu cầu mới về nguồn nhân lực để triển khai thực hiện.

- Về nguồn lực tài chính: Quy định trong dự thảo Luật sẽ tiếp tục sử dụng nguồn lực tài chính đang sử dụng cho việc thực hiện công tác quản lý thu

thuế SDĐPNN, TNDN hiện hành. Do đó, việc thi hành Luật sau khi được ban hành về cơ bản không làm phát sinh nhu cầu mới về nguồn tài chính mới để triển khai thực hiện.

2. Điều kiện bảo đảm cho việc thi hành Luật

Điều kiện bảo đảm cho việc thi hành Luật bao gồm các nội dung được xác định như sau:

- Ban hành văn bản quy định chi tiết và chỉ đạo, đôn đốc thi hành: Các cơ quan có thẩm quyền ban hành kịp thời các VBQPPL hướng dẫn thi hành Luật.

- Tuyên truyền, phổ biến Luật: Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ thực hiện phổ biến, giáo dục Luật và các quy định liên quan; Bộ Tài chính xây dựng nội dung thông tin, tuyên truyền phổ biến những yêu cầu, nội dung và các quy định của Luật kịp thời đến các cơ quan, tổ chức và người dân, giúp hiểu biết, nắm bắt pháp luật kịp thời để thực hiện.

- Bảo đảm nguồn lực thực hiện:

- + Bộ Tài chính có chỉ đạo, hướng dẫn cụ thể để cơ quan thuế các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổ chức triển khai thực hiện Luật.

- + Được bố trí nguồn kinh phí để thực hiện các quy định trong Luật, ngoài nguồn kinh phí do NSNN cấp, huy động nguồn lực từ cơ quan, đơn vị và địa phương, hỗ trợ của các tổ chức xã hội, tổ chức quốc tế hoặc lồng ghép vào các chương trình, dự án khác để có nguồn kinh phí bảo đảm cho việc thực hiện Luật.

- Kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện:

Thực hiện công tác kiểm tra, giám sát tình hình thi hành Luật và các VBQPPL quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật.

3. Thời gian dự kiến trình thông qua

Tại khoản 1 Điều 39 Luật Ban hành VBQPPL quy định: “Quốc hội xem xét, thông qua dự thảo luật, nghị quyết tại một kỳ họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 11 Điều 40¹⁷ của Luật này.”

Căn cứ quy định nêu trên, các nội dung tại dự thảo Luật đã được quy định đầy đủ, cụ thể và có thể thực hiện ngay, không cần thiết giao Chính phủ quy định chi tiết, do đó, Bộ Tài chính trình Chính phủ trình Quốc hội xem xét, thông qua dự án Luật tại 01 kỳ họp (Kỳ họp Quốc hội tháng 10/2026); Luật có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2027.

VII. VỀ ĐIỀU CHỈNH CHƯƠNG TRÌNH XÂY DỰNG LUẬT NĂM 2026

¹⁷ Khoản 11 Điều 40 Luật Ban hành VBQPPL quy định: “Trường hợp dự thảo luật, nghị quyết chưa được thông qua, Quốc hội xem xét, quyết định lùi thời điểm thông qua để tiếp tục hoàn thiện, trình Quốc hội thông qua tại kỳ họp tiếp theo hoặc trình lại.”

- Tại Nghị quyết số 123/2026/UBTVQH15 ngày 03/4/2026 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội (UBTVQH) quy định bổ sung vào Chương trình lập pháp năm 2026 trình Quốc hội cho ý kiến và thông qua tại Kỳ họp thứ 2 (tháng 10/2026) đối với *dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế SDDPNN*.

- Tuy nhiên, tại Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo có nêu nhiệm vụ, giải pháp: “*Sửa đổi, bổ sung các VBQPPL có liên quan để bổ sung các quy định không thu tiền sử dụng đất, giảm tiền thuê đất, tiền thuế đất đối với các cơ sở giáo dục trong nước. Không áp dụng thuế TNDN đối với cơ sở giáo dục công lập, cơ sở giáo dục tư thực hoạt động không vì lợi nhuận*”. Tại Nghị quyết số 281/NQ-CP ngày 15/9/2025 của Chính phủ ban hành chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW của Bộ Chính trị có giao nhiệm vụ cho Bộ Tài chính xây dựng *dự án Luật sửa đổi, bổ sung Luật Thuế SDDPNN và Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN)* trong năm 2026.

Ngoài ra, tại Kế hoạch số 64/KH-UBTVQH16 ngày 22/5/2026 của UBTVQH có phân công Chính phủ “*ngiên cứu, rà soát Luật thuế TNDN*” để xem xét đưa vào chương trình năm 2027 (Số thứ tự 12 mục III Phụ lục 1 phân công nhiệm vụ lập pháp ban hành kèm theo Kế hoạch số 64/KH-UBTVQH16).

Để bảo đảm thực hiện thống nhất, đồng bộ chủ trương của Đảng tại Nghị quyết số 71-NQ/TW của Bộ Chính trị, Kế hoạch số 64/KH-UBTVQH15 của UBTVQH và Nghị quyết số 281/NQ-CP của Chính phủ, việc bổ sung các nội dung liên quan đến chính sách thuế đối với lĩnh vực giáo dục, đào tạo trong cùng dự án Luật là cần thiết, góp phần thể chế hóa kịp thời, đầy đủ các chủ trương, định hướng của Đảng về phát triển giáo dục và đào tạo; đồng thời tránh phải xây dựng riêng một dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế TNDN để xử lý các nội dung có cùng phạm vi, mục tiêu điều chỉnh. Bên cạnh đó, việc lồng ghép các nội dung sửa đổi trong cùng dự án Luật sẽ góp phần giảm số lượng dự án luật phải xây dựng, trình Quốc hội trong cùng thời điểm, đơn giản hóa hồ sơ, thủ tục xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, tiết kiệm nguồn lực của cơ quan nhà nước, đồng thời bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật và nâng cao hiệu quả tổ chức thực hiện sau khi Luật được ban hành.

Theo đó, Bộ Tài chính đã nghiên cứu điều chỉnh phạm vi và tên gọi của dự án Luật theo hướng: (i) 01 Điều sửa đổi, bổ sung một số điều, khoản, điểm của Luật Thuế SDDPNN về đối tượng chịu thuế, đối tượng không chịu thuế; đăng ký khai, tính và nộp thuế; bổ sung miễn thuế SDDPNN của cơ sở giáo dục (ii) 01 Điều sửa đổi, bổ sung Luật Thuế TNDN về miễn thuế TNDN đối với cơ sở giáo dục hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận.

Vì vậy, Bộ Tài chính trình Chính phủ, trình UBTVQH điều chỉnh Chương trình lập pháp năm 2026 đối với dự án Luật này, cho phép sửa đổi tên *dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế SDDPNN* tại Nghị quyết số 123/2026/UBTVQH15 thành *dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều*

của Luật Thuế SDĐPNN, Luật Thuế TNDN.

Trên đây là Tờ trình về dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế SDĐPNN, Luật Thuế TNDN. Bộ Tài chính kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

(Xin gửi kèm theo: Dự thảo Luật; Báo cáo tổng kết thi hành Luật; Báo cáo rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, VBQPPL, điều ước quốc tế có liên quan; Bản thuyết minh quy phạm hóa chính sách; Bản so sánh dự thảo Luật với Luật Thuế SDĐPNN, Luật Thuế TNDN hiện hành).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Phó TTgCP Nguyễn Văn Thắng (để báo cáo);
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ (để phối hợp);
- Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, CST (b).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Cao Anh Tuấn